

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 264/2025/DS-ST
Ngày: 12-5-2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Vân;
- Ông Võ Văn Dương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Kim An - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Thương - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 486/2024/TLST-DS ngày 01 tháng 7 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 173/2025/QĐXX-ST ngày 31 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 214/2025/QĐST-DS ngày 21 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Quỹ trợ vốn xã viên Hợp tác xã Thành phố H.

Địa chỉ: 5 B, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện: Ông Trần Ngọc H - Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thái A, sinh năm 1988 (có mặt).

Địa chỉ: A đường số C, khu phố G, thị trấn C, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1982 (vắng mặt).

Địa chỉ: B Tỉnh lộ 7, tổ I, ấp Đ, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Lê Thị Mỹ D, sinh năm 1982 (vắng mặt);

Địa chỉ: B Tỉnh lộ 7, tổ I, ấp Đ, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Đỗ Thị Ú, sinh năm 1961 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Tổ B, ấp Đ, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Thái Thành T, sinh năm 1958 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ B, ấp Đ, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nộp ngày 11/6/2024 và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Quỹ trợ vốn xã viên Hợp tác xã Thành phố H (sau đây gọi tắt là Quỹ trợ vốn CCM) ông Nguyễn Thái A trình bày: Quỹ trợ vốn CCM - Chi nhánh C1 đã ký hợp đồng liên kết số 038/20/LK-CC ngày 22/01/2020 với bà Đỗ Thị Ú, ông Thái Thành T để làm cấp liên nhiệm cho Quỹ trợ vốn CCM - Chi nhánh C1. Ông, bà là người đại diện cho Tổ hợp tác kinh doanh, dịch vụ, nông nghiệp số 06 xã T ký hợp đồng liên kết với Quỹ trợ vốn CCM - Chi nhánh C1. Mục đích là hỗ trợ vốn cho các hộ dân thuộc Tổ hợp tác kinh doanh, dịch vụ, nông nghiệp số 06 xã T để chăn nuôi, sản xuất - kinh doanh dịch vụ, mua bán nhỏ,... theo sự giới thiệu và đề nghị của C liên nhiệm. Thông qua hợp đồng này Quỹ trợ vốn CCM - Chi nhánh C1 đã tiến hành trợ vốn cho 22 thành viên vào ngày 20/12/2022, phương thức trợ vốn góp hàng tháng, thời hạn trợ vốn 12 tháng, phí trợ vốn 0.65%/tháng, phí cấp liên nhiệm 0.15%/tháng, tiết kiệm bắt buộc 1.00%/tháng. Trong đợt trợ vốn ngày 20/12/2022, ông Nguyễn Văn N đã làm đơn xin trợ vốn và được duyệt trợ vốn số tiền 30.000.000 đồng. Theo kế hoạch ông N phải hoàn trả 3.060.000 đồng trong 11 kỳ đầu, kỳ cuối góp 2.820.000 đồng, góp đều cho đến ngày hết hạn hợp đồng ngày 20/12/2023. Ông N không góp đúng theo kế hoạch ban đầu. Tính đến ngày 25/4/2024 ông N vẫn chưa hoàn trả hết số nợ cho Q trợ vốn CCM, tổng số tiền nợ 32.880.000 đồng (trong đó nợ vốn 30.000.000 đồng, nợ lãi 2.340.000 đồng, nợ phí cấp liên nhiệm 540.000 đồng). Ngày 17/9/2024, ông N đóng 1.000.000 đồng. Ngày 17/4/2025, ông N đóng 1.500.000 đồng. Tổng nợ của ông N tính đến ngày 12/5/2025 là 30.380.000 đồng (trong đó nợ vốn 27.750.000 đồng, nợ lãi 2.090.000 đồng, nợ phí cấp liên nhiệm 540.000 đồng). Nay, Quỹ trợ vốn xã viên Hợp tác xã Thành phố H khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn N trả số nợ vốn 27.750.000 đồng, nợ lãi 2.090.000 đồng, nợ phí cấp liên nhiệm 540.000 đồng, tổng cộng 30.380.000đ (ba mươi triệu ba trăm tám mươi nghìn đồng) và lãi phát sinh tính đến thời điểm ông N thanh toán xong nợ, trả ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Trường hợp ông N không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì yêu cầu bà Lê Thị Mỹ D phải liên đới cùng chịu trách nhiệm với ông N trả toàn bộ khoản nợ nêu trên theo thỏa thuận bảo lãnh mà các bên đã ký kết.

Tại bản tự khai ngày 10/7/2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị Ú trình bày: Ngày 22/01/2020, Quỹ trợ vốn xã viên hợp tác xã Thành phố H - Chi nhánh C1 có ký hợp đồng liên kết với Tổ hợp tác kinh doanh, dịch vụ, nông nghiệp số 06 xã T. Ngày 08/12/2022, ông Nguyễn Văn N có làm đơn xin trợ vốn. Ngày 12/12/2022, bà có ký xác nhận của chính quyền địa phương - cấp liên nhiệm đơn xin trợ vốn của ông N. Ngày 20/12/2022, Quỹ trợ vốn xã viên hợp tác xã Thành phố H cho ông N vay 30.000.000 đồng, bà Lê Thị Mỹ D là người có nghĩa vụ trả thay, thời hạn vay 12 tháng, trả góp hàng tháng, lãi suất

0.65%/tháng, phí cấp liên nhiệm 0,15%/tháng. Từ ngày vay ông N chưa góp kỳ nào. Bà thống nhất với yêu cầu khởi kiện của Quỹ trợ vốn xã viên hợp tác xã Thành phố H.

Tại đơn xin vắng mặt ngày 17/7/2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Thái Thành T trình bày: Ông thống nhất với lời khai của bà Đỗ Thị Ú.

Bị đơn ông Nguyễn Văn N vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Mỹ D vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị Ú, ông Thái Thành T có đơn xin vắng mặt.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi: Quá trình giải quyết vụ án Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa, những người tham gia tố tụng đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy vi phạm về thủ tục nhận đơn khởi kiện, thời hạn chuẩn bị xét xử nhưng không làm ảnh hưởng đến giải quyết vụ án. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn Quỹ trợ vốn xã viên Hợp tác xã Thành phố H (sau đây gọi tắt là Quỹ trợ vốn CCM) khởi kiện bị đơn ông Nguyễn Văn N, yêu cầu Tòa án buộc ông N thanh toán toàn bộ khoản vay cho Quỹ trợ vốn CCM; bị đơn cư trú tại số B, Tỉnh lộ 7, tổ I, ấp Đ, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh, căn cứ theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Ông Nguyễn Văn N, bà Lê Thị Mỹ D đã được Tòa án tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông N, bà D vẫn vắng mặt không lý do; bà Đỗ Thị Ú, ông Thái Thành T có đơn xin vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông N, bà D, bà Ú, ông T theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn:

[3.1] Căn cứ Đơn xin trợ vốn ngày 08/12/2022 (chính quyền địa phương - cấp liên nhiệm xác nhận ngày 12/12/2022, cán bộ tín dụng phê duyệt ngày 15/12/2022), căn cứ Danh sách nhận trợ vốn kèm biên bản bàn giao vốn ngày 20/12/2022 thì ông Nguyễn Văn N có vay của Quỹ trợ vốn CCM 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng). Nội dung hợp đồng là sự thỏa thuận tự nguyện của các bên và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội, tuân thủ các quy định của pháp luật về nội dung và hình thức, phù hợp với các quy định tại Điều 117, Điều

463 của Bộ luật Dân sự; Điều 117 của Luật Các tổ chức tín dụng và Điều 23 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 (sửa đổi, bổ sung ngày 28/6/2023) của Ngân hàng N1 quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng nên hợp đồng có hiệu lực, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Các bên tham gia trong giao dịch này có mọi quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng đã ký kết nói trên.

[3.2] Từ ngày được bàn giao khoản vay vốn là ngày 20/12/2022 đến ngày hết hạn hợp đồng là ngày 20/12/2023, ông Nguyễn Văn N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận giữa hai bên. Tính đến ngày 12/5/2025, ông N còn nợ Quỹ trợ vốn CCM 30.380.000đ (ba mươi triệu ba trăm tám mươi nghìn đồng), trong đó nợ vốn 27.750.000 đồng, nợ lãi 2.090.000 đồng, nợ phí cấp liên nhiệm 540.000 đồng. Quỹ trợ vốn CCM yêu cầu ông N thanh toán một lần toàn bộ số tiền nêu trên và tiền lãi khoản phí phát sinh từ ngày 13/5/2025 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ theo mức lãi suất các bên đã ký kết trong hợp đồng vay vốn là phù hợp và đúng theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự; Điều 91, Điều 95, Điều 98 của Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm nên Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận.

[3.3] Căn cứ Đơn xin trợ vốn ngày 08/12/2022 thì bà Lê Thị Mỹ D có thực hiện việc bảo lãnh cho ông Nguyễn Văn N về khoản vay giữa ông N và Quỹ trợ vốn CCM. Nay nguyên đơn yêu cầu trong trường hợp ông N không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì yêu cầu bà D phải liên đới cùng chịu trách nhiệm với ông N trả toàn bộ khoản nợ nêu trên theo thỏa thuận bảo lãnh mà các bên đã ký kết. Việc thỏa thuận bảo lãnh được ký giữa ba bên trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội, tuân thủ các quy định của pháp luật được quy định tại các Điều 335, Điều 336, Khoản 1 Điều 339, Điều 342 của Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận.

[4] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi là phù hợp nên chấp nhận.

[5] Về nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm:

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông Nguyễn Văn N phải chịu án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 58, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 272, Điều 273 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 117, Điều 463, Điều 466, Điều 335, Điều 336, Khoản 1 Điều 339 và Điều 342 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào Điều 117, Điều 91, Điều 95 và Điều 98 của Luật Các tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào Điều 23 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 (sửa đổi, bổ sung ngày 28/6/2023) của Ngân hàng N1 quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng;

Căn cứ vào Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Quỹ trợ vốn xã viên Hợp tác xã Thành phố H, buộc ông Nguyễn Văn N phải thanh toán cho Q trợ vốn xã viên Hợp tác xã Thành phố H số tiền nợ vốn 27.750.000đ (hai mươi bảy triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng), nợ lãi 2.090.000đ (hai triệu không trăm chín mươi nghìn đồng), nợ phí cấp liên nhiệm 540.000đ (năm trăm bốn mươi nghìn đồng), tổng cộng 30.380.000đ (ba mươi triệu ba trăm tám mươi nghìn đồng), thi hành ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 13/5/2025 cho đến khi thi hành án xong, ông Nguyễn Văn N còn phải chịu khoản phí phát sinh và khoản tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong Đơn xin trợ vốn ngày 08/12/2022 đã ký.

Trường hợp ông Nguyễn Văn N không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ các khoản nợ nêu trên thì Quỹ trợ vốn xã viên Hợp tác xã Thành phố H có quyền yêu cầu bà Lê Thị Mỹ D thanh toán toàn bộ khoản vay nêu trên theo hợp đồng bảo lãnh mà các bên đã ký.

2. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm 1.519.000đ (một triệu năm trăm mười chín nghìn đồng) ông Nguyễn Văn N phải chịu.

Trả lại cho Q trợ vốn xã viên Hợp tác xã Thành phố H số tiền tạm ứng án phí 822.000đ (tám trăm hai mươi hai nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0015599 ngày 27 tháng 6 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Chi cục THADS huyện Củ Chi;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồng Thủy